

Bản án số: 49/2024/HS-ST

Ngày: 19-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn C, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1989, tại An Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa hảo (tại phiên tòa bị cáo khai không theo tôn giáo); quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn H và bà Phạm Thị N; có vợ và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: (1) Ngày 10/7/2009, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, xử phạt 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm về tội cố ý làm hư hỏng tài sản, được miễn chấp hành hình phạt theo Quyết định số 29/2010/QĐ-TA ngày 30/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (theo Nghị quyết số 33 ngày 19/6/2009 của Quốc hội), ghi nhận tại Bản án số 215/2011/HSST ngày 17/8/2011, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; (2) Ngày 17/8/2011, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 24/10/2016; (3) Ngày 29/8/2022, Công an xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép với hình thức tài

xiu, nộp phạt ngày 20/9/2022; tạm giữ: Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tạm giam: Ngày 12 tháng 01 năm 2024; có mặt.

2. Quách Phước T, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1999, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Phước L và bà Nguyễn Thị Ngọc S; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không, tạm giam: Ngày 22 tháng 5 năm 2024; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nguyễn Duy P, sinh năm 2000; Địa chỉ: Khóm Long An B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Hồng P1 (Lầu Ba), Đỗ Thị Thu T1, Trần Ngọc Đ, Trịnh Hoài Â, Trần Thị Bích T2, Trần Anh T3, đều vắng mặt.

- *Điều tra viên:* Nguyễn Văn B, Đào Hữu N1, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy, nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/01/2024, Nguyễn Duy P mượn điện thoại của Đỗ Thị Thu T1 để điện cho Hồ Văn C hỏi mua ma túy với số tiền 300.000 đồng, C đồng ý, nên Duy P cùng T1 đến trại nuôi gà của C thuộc ấp L, xã L, huyện H. Khi đến nơi, lúc này C cùng với Quách Phước T, Nguyễn Hồng P1 chuẩn bị sử dụng ma túy tại trại nuôi gà, nên C rủ Duy P và T1 vào sử dụng ma túy, cả hai đồng ý. C lấy 01 túi nylon chứa chất ma túy đưa cho T, dùng cây kéo kim loại (có sẵn trên bàn) cắt túi ma túy đổ vào bộ dụng cụ, tiếp tục T dùng bật lửa đốt ma túy để sử dụng. Trong lúc này thì Duy P đưa 300.000 đồng cho C để mua ma túy, thì C lấy tiền để trên bàn nơi sử dụng ma túy và C nói với Duy P chút sẽ đưa ma túy. C, T, Duy P, Hồng P1 và T1 đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an đến phát hiện việc sử dụng ma túy. Tiến hành kiểm tra, thì phát hiện thêm 04 túi nylon hàn kín, bên trong có chứa tinh thể rắn, trong 01 hộp nhựa, trong suốt hình chữ nhật, để vào túi nylon màu đỏ treo trên cành cây tại trại nuôi gà. Nên lực lượng Công an lập biên bản bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu đỏ, 01 cái nỏ bằng thủy tinh bên trong có dính chất màu vàng nghi là ma túy, 01 đoạn ống hút nhựa sọc trắng-xanh và 03 túi nylon bị cắt hở một đầu bên trong đều dính tinh thể rắn nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì giấy có chữ ký, ghi họ tên của Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Hồ Văn C và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã L.

- 04 (bốn) túi nylon hàn kín, bên trong có chứa tinh thể rắn (nghĩ là ma túy) được niêm phong trong phong bì giấy có chữ ký ghi rõ họ tên của Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Hồ Văn C và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã L. (bút lục 34-35)

- 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu xanh, bên trong chứa nước tiểu của Hồ Văn C, được niêm phong trong bì giấy có chữ ký, ghi rõ họ tên Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Hồ Văn C và dấu tròn màu đỏ của Công an xã L.

- 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu trắng, bên trong chứa nước tiểu của Quách Phước T, được niêm phong trong bì giấy có chữ ký, ghi rõ họ tên Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Quách Phước T và dấu tròn màu đỏ của Công an xã L.

- 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu trắng, bên trong chứa nước tiểu của Nguyễn Hồng P1, được niêm phong trong bì giấy có chữ ký, ghi rõ họ tên Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Nguyễn Hồng P1 và dấu tròn màu đỏ của Công an xã L.

- 01 (một) chai nhựa trong suốt có nắp đậy màu xanh, bên trong chứa nước tiểu của Nguyễn Duy P, được niêm phong trong bì giấy có chữ ký, ghi rõ họ tên Đào Hữu N1, Nguyễn Văn Q, Lê Văn L1, Nguyễn Duy P và dấu tròn màu đỏ của Công an xã L.

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại, chiều dài 09 cm; 01 (một) bật lửa màu đỏ; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) cân tiểu ly màu trắng; 01 (một) hộp nhựa trong suốt, hình chữ nhật; 01 (một) bọc nylon màu đỏ, tất đều qua sử dụng. Là dụng cụ của các bị cáo dùng để sử dụng và cất giấu ma túy.

- Tiền Việt Nam 300.000 đồng, là số tiền Nguyễn Duy P dùng để mua ma túy của bị cáo C.

Kết luận giám định số 95/KL-KTHS, ngày 22/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đậy kín, ghi thu của ông Hồ Văn C, sinh năm 1989, mẫu nước tiểu được thu giữ vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 03/01/2024 tại Công an xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp được niêm phong nêu trên gửi giám định có tìm thấy chất ma túy Methamphetamine (số thứ tự 247mục IIC Danh mục II, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ).

Kết luận giám định số 86/KL-KTHS, ngày 19/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu trắng đậy kín, ghi thu của ông Quách Phước T, sinh năm 1999, mẫu nước tiểu được thu giữ vào lúc 00 giờ 25 phút ngày 03/01/2024 tại Công an xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp được niêm phong nêu trên gửi giám định có tìm thấy chất ma túy Methamphetamine.

Kết luận giám định số 85/KL-KTHS, ngày 19/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu trắng đục kín, ghi thu của ông Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1988, mẫu nước tiểu được thu giữ vào lúc 00 giờ 20 phút ngày 03/01/2024 tại Công an xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp được niêm phong nêu trên gửi giám định có tìm thấy chất ma túy Methamphetamine.

Kết luận giám định số 94/KL-KTHS, ngày 22/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu xanh đục kín, ghi thu của ông Nguyễn Duy P, sinh năm 2000, mẫu nước tiểu được thu giữ vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 03/01/2024 tại Công an xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp được niêm phong nêu trên gửi giám định có tìm thấy chất ma túy Methamphetamine.

Kết luận giám định số 93/KL-KTHS, ngày 22/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Mẫu nước tiểu chứa trong chai nhựa trong suốt có nắp màu trắng đục kín, ghi thu của bà Đỗ Thị Thu T1, sinh năm 1998, mẫu nước tiểu được thu giữ vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 03/01/2024 tại Công an xã L, huyện H, được niêm phong nêu trên gửi giám định có tìm thấy chất ma túy Methamphetamine.

Tại Cáo trạng truy tố số 41/CT-VKSHN ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn C và Quách Phước T đồng phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Hồ Văn C phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 55, 58 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Hồ Văn C từ 03 năm đến 04 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, từ 08 năm đến 09 năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt từ 11 năm đến 13 năm tù; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của BLHS, xử phạt bị cáo Quách Phước T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về vật chứng, căn cứ các Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là B1), đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng còn lại. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 300.000 đồng.

Đối với lời khai của bị cáo C mua ma túy của người phụ nữ tên Bà T4 (không rõ họ tên) ở thị xã T, tỉnh An Giang; không làm việc được khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Hồng P1, Nguyễn Duy P, Đỗ Thị Thu T1 sử dụng ma túy cùng với các bị cáo C, T (không cung cấp: ma túy, địa điểm, dụng cụ). Riêng Duy P đến để mua ma túy của C đưa 300.000 đồng nhưng chưa nhận ma túy. Nên ngày

08/7/2024, Cơ quan điều tra có công văn đề nghị Công an xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Đối với Quách Phước T khai nhận vào khoảng đầu năm 2017 có chung sống như vợ chồng với chị Dương Thị Kim T5, sinh ngày 21/02/2001 và có con chung tên Quách T6, sinh ngày 10/11/2017, nhưng đến ngày 03/6/2019 đăng ký kết hôn (hiện nay đã ly hôn). Qua xác minh, hiện nay chị T5 không có mặt tại nơi cư trú, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Nên không đặt ra xem xét về hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đối với T.

Về trách nhiệm dân sự không phát sinh nên không đề cập đến.

Bị cáo Chiến tranh L2: Bị cáo không cung cấp ma túy cho Duy P, Hồng P1, T1, T sử dụng. Bị cáo không rủ rê những người này đến sử dụng ma túy. Nếu chỉ dựa vào lời khai những người này mà buộc tội bị cáo thì thật sự không đúng, nếu bị cáo bị oan thì ai chịu trách nhiệm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo đối chất với họ, đề nghị cho gặp người nhà để tố cáo những người này. Khi bị lực lượng bắt quả tang, bị cáo ở bên ngoài trại gà, bị cáo đưa ma túy cho T đổ vô nỏ để bị cáo sử dụng 01 mình. 04 bịch ma túy thu giữ không phải của bị cáo. Số tiền 300.000đ là do Duy P đưa cho bị cáo nhờ chuyển tiền vô tài khoản của Duy P để Duy P nộp tiền chơi game, không phải để mua ma túy. Bị cáo từ trong trại đi ra lúc đó là 18 giờ 30 phút, khi bị cáo đi trong trại gà đi ra ngoài cho gà ăn, khoảng 10 phút sau là lực lượng công an bắt quả tang, không phải như cáo trạng nêu là 19 giờ 30 phút. Bị cáo xin được đối chất với điều tra viên; Không nói lời sau cùng.

Bị cáo T không bào chữa, tranh luận. Lời nói sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Thứ nhất, khi bị bắt quả tang, cơ quan chức năng lập biên bản bị cáo thừa nhận trong biên bản cái trại nuôi gà là do bị cáo quản lý và được chứng minh bởi lời khai của người làm chứng Trần Thị Bích T2 (vợ bị cáo), Trần Anh T3 (anh vợ bị cáo), lời khai của T1, Duy P, Hồng P1. Thứ hai, nếu không có bị cáo C thì Duy P, Hồng P1, T1, T, Đ, Â có đến đây để sử dụng ma túy không? Lời khai của Duy P, Hồng P2, T1, T, Â, Đ chứng minh rằng bị cáo là người đưa ma túy cho T đổ vô nỏ cho cả nhóm cùng sử dụng. Trước đó, tại địa điểm này, cả nhóm Â, T, Đ, Hồng P1, C, T1, Duy P đã sử dụng ma túy. Điều này chứng minh bởi các lời khai của họ và được chứng minh, khi lực lượng chức năng bắt quả tang, test nhanh ma túy và kết luận giám định, các bị cáo đều có ma túy trong người. Thứ ba, 04 túi ni long thu giữ tại hiện trường cặp trại nuôi gà của bị cáo, trại nuôi gà do bị cáo C quản lý, ma túy thu giữ ngay trại nuôi gà và lời khai của T1, Duy P khẳng định 04 túi ni long thu giữ là ma túy của C. Đối với 300.000đ Duy P, T1 khai đây là số tiền mua ma túy của C và đã đưa tiền cho C, C để trên bàn, ma túy giao sau. Còn C nói đây là tiền chuyển khoản để Duy P chơi game, nhưng bị cáo không cung cấp được số tài khoản của Duy P, chỉ có lời

khai của bị cáo. Bị cáo thừa nhận bị cáo và Duy P, T1 không có mâu thuẫn gì. Do đó, không thể nào Duy P, T1 lại khai bắt lợi cho bị cáo. Đối với thời gian bị cáo trình bày là 18 giờ 30 phút thì bị cáo đến đưa ma túy cho T đổ vào nỏ, sau đó đi ra ngoài cho gà ăn 10 phút sau bị bắt quả tang: Cáo trạng lại không nêu 19 giờ 30 phút mà Cáo trạng chỉ nêu khoảng 19 giờ 30 phút, việc này không làm thay đổi bản chất sự việc. Đối với ý kiến của bị cáo được đối chất với người làm chứng, Điều tra viên thì Kiểm sát viên nhận thấy việc này không cần thiết, bị cáo và họ không mâu thuẫn, có đối chất cũng không làm thay đổi bản chất sự việc. Bị cáo khai là giữa bị cáo và người liên quan, người làm chứng không có mâu thuẫn gì, vậy tại sao bị cáo cho rằng họ khai không đúng, làm bắt lợi cho bị cáo, dựa trên biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai người liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ chứng cứ chứng minh bị cáo C phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ; Theo đề nghị của Kiểm sát viên, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án; Bị cáo C đề nghị họ có mặt để đối chất. Xét, đây là lần thứ 3 Tòa án mở phiên tòa, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vẫn vắng mặt, nhưng trước đó đã có lời khai ở Cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, chủ tọa phiên tòa công bố những lời khai đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Đối với việc bị cáo C không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị được đối chất với người liên quan, thấy rằng: Việc đối chất thuộc nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên, Kiểm sát viên theo quy định tại các Điều 37 và 42 của BLTTHS. Theo quy định tại Điều 189 BLTTHS thì: Trường hợp có mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà đã tiến hành các biện pháp điều tra khác nhưng chưa giải quyết được mâu thuẫn thì Điều tra viên tiến hành đối chất. Trường hợp cần thiết, Kiểm sát

viên có thể tiến hành đối chất. Trong vụ án này, lời trình bày của bị cáo C và Duy P, T1, Hồng P1 có mâu thuẫn về số tiền mua bán ma túy 300.000 đồng, nhưng Điều tra viên, Kiểm sát viên không tiến hành đối chất là thiếu sót. Tuy nhiên, do Duy P, T1, Hồng P1 đã bỏ địa phương không triệu tập được nên không thể tiến hành đối chất, mà phải căn cứ vào lời khai, những chứng cứ khác đã được thu thập theo đúng quy định của BLTTHS để giải quyết vụ án.

[4] Đối với việc bị cáo C đề nghị được đối chất với Điều tra viên là không phù hợp với quy định của BLTTHS nên không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Bị cáo C chỉ thừa nhận đưa ma túy cho bị cáo T, không thừa nhận tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thừa nhận có nhận số tiền 300.000 đồng của Duy P nhưng để chuyển tiền giùm chứ không mua bán ma túy.

[6] Thấy rằng: Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này, bị cáo C thừa nhận, đã nhận số tiền 300.000 đồng của Duy P để bán ma túy nhưng chưa giao ma túy là do trở ngại khách quan là đã bị bắt quả tang về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy sau đó. Bị cáo C cho rằng nhận chuyển tiền giùm lần đầu tiên nhưng lại không rõ Duy P chơi game gì, số tài khoản ngân hàng; việc Duy P phải đi xe từ thị xã T, tỉnh An Giang qua gặp bị cáo tại huyện H, tỉnh Đồng Tháp chỉ nhờ bị cáo C chuyển tiền chơi game là không hợp lý. Trong khi Duy P, T1 và Hồng P1 đều xác định, biết được số tiền bị cáo C nhận với mục đích là mua bán ma túy. Trước đây, bị cáo C đã từng bị xử phạt tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên có kinh nghiệm trong việc đối phó với lực lượng chức năng trong việc phát hiện, điều tra tội phạm, thể hiện: Sau khi bị cáo C cung cấp ma túy để bị cáo T đổ vào nỏ cho cả nhóm sử dụng thì C đã mang ma túy ra treo trên cây phía bên ngoài trại nhằm che dấu tội phạm, chối tội khi bị phát hiện; mà lúc đầu bị cáo C còn khai báo quanh co là của L3, không rõ họ tên, địa chỉ... Trên thực tế, khi bị phát hiện bắt quả tang có thu giữ cái hộp nhựa trong suốt, hình chữ nhật (chứa 4 túi ma túy); thì T1 khai nhận chính là cái hộp mà bị cáo C đã lấy ma túy ra. Từ đó, đã có đủ chứng cứ chứng minh bị cáo C phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS.

[7] Đối với hành vi cung cấp ma túy, địa điểm của C, tuy bị cáo C không thừa nhận bộ dụng cụ để sử dụng ma túy là của bị cáo nhưng nó đã tồn tại ở địa điểm thuộc quyền quản lý của bị cáo, như bị cáo thừa nhận từ trước đó, đã nhiều lần sử dụng, nên xác định bộ dụng cụ cũng do bị cáo cung cấp. Bị cáo cũng không thừa nhận địa điểm bị bắt quả tang do bị cáo quản lý, nhưng những người có liên quan đến vụ án, người làm chứng đều khẳng định địa điểm đó thuộc quyền quản lý của bị cáo, trong đó có vợ bị cáo là Trần Thị Bích T2 và anh vợ của bị cáo là Trần Anh T3 xác định, bị cáo đã quản lý địa điểm đó cách ngày bị bắt quả tang

khoảng 02 tháng. Tại phiên tòa, bị cáo C cho rằng đưa ma túy cho T đổ vào bộ dụng cụ chỉ để cho bị cáo sử dụng, nhưng trước đó bị cáo chưa từng có lời khai này. Cho thấy lời khai của bị cáo C là không thống nhất, quanh co chối tội, lời khai không đúng sự thật khách quan của vụ án, không phù hợp với lời khai của tất cả những người có mặt, nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai của bị cáo C. Hành vi giúp sức của T đổ ma túy vào dụng cụ sử dụng, dùng lửa đốt để ma túy trở thành dạng lỏng để cả nhóm C, T, Duy P, Hồng P1, T1 cùng nhau sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo C là chủ mưu, có vai trò chính cung cấp địa điểm, ma túy, dụng cụ, bị cáo T giúp sức đổ ma túy vào dụng cụ sử dụng. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 58 của BLHS.

[8] BLHS quy định:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

“Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Đối với 02 người trở lên; ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[9] Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo C, T đồng phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo C phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[10] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[11] Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy, gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước; ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh bình thường của con người. Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, việc mua bán, sử dụng phải được cơ quan chức năng của Nhà nước cho phép. Bởi lẽ, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, nó gây tác hại lâu dài cho nòi giống, phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng, làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình của người sử dụng, gây tổn hại về tình cảm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu dài của dân tộc. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, đối tượng nghiện muốn có tiền để sử dụng ma túy, còn có thể phát sinh các loại tội phạm khác như lừa đảo, trộm cắp, mại dâm, cướp tài sản, giết người...

[12] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[13] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo C từng có 02 tiền án, 01 tiền sự. Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.

[14] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[15] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C có thành khẩn khai báo về việc đưa ma túy cho T, thừa nhận số tiền 300.000 đồng nên cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, con của các bị cáo đều còn nhỏ, cần người chăm sóc nên Hội đồng xét xử xem xét là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, cho các bị cáo sớm trở về làm lại cuộc đời lương thiện.

[16] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[17] Về trách nhiệm dân sự: Không có phát sinh nên không xem xét.

[18] Về xử lý vật chứng, đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[19] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

[20] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn C đồng phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn C 08 (tám) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 01 năm 2024.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Quách Phước T đồng phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Quách Phước T 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2024.

3. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

– Chất màu vàng (ký hiệu mẫu M1) còn lại sau giám định, nỏ thủ tinh, 01 đoạn ống hút trong suốt, 01 đoạn ống hút nhựa màu sọc trắng-xanh, 01 chai nhựa trong suốt có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ và 03 túi nylon cất hờ một đầu (đã trích hết mẫu tinh thể dính bên trong 03 túi nylon); tất cả mẫu vật nêu trên được niêm phong lại trong cùng phong bì được dán giấy niêm phong lại, ghi “Niêm phong số: 14, ngày 09/01/2024”, có đóng dấu hình tròn màu đỏ của “Phòng K1-Công an tỉnh Đ” có các chữ ký ghi rõ họ tên: Nguyễn Văn Bé N2 và Phan Nhật M.

– Mẫu tinh thể rắn (ký hiệu M2) còn lại sau giám định trong phong bì được dán giấy niêm phong lại, ghi Niêm phong số: 06, ngày 03/01/2024”, có đóng dấu hình tròn màu đỏ của “Phòng K1-Công an tỉnh Đ” có các chữ ký ghi rõ họ tên: Nguyễn Văn Bé N2, Võ Văn K, Đào Hữu N1 và Hồ Văn C.

– 01 (một) cây kéo bằng kim loại, chiều dài 09 cm; 01 (một) bật lửa màu đỏ; 01 (một) cân tiểu ly màu đen; 01 (một) cân tiểu ly màu trắng; 01 (một) hộp nhựa trong suốt, hình chữ nhật; 01 (một) bọc nylon màu đỏ.

3.2. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền sử dụng vào mục đích phạm tội 300.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý các vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Biên lai thu tiền số 0003026 ngày 19 tháng 8 năm 2024.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Hồ Văn C, Quách Phước T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 11 năm 2024). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú